

Một số giải pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Trần Việt Dũng

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Hội nhập quốc tế là quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế vì mục tiêu phát triển của bản thân mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ đó và nhằm tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm. Về bản chất, hội nhập quốc tế chính là một hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế nhằm đạt được một mục tiêu hoặc lợi ích chung nào đó.

1. Quá trình hình thành, phát triển chủ trương hội nhập quốc tế của Đảng

Trong khi phân tích nội dung ở phần này, giảng viên chú ý những bước phát triển về chủ trương hội nhập quốc tế qua các kỳ Đại hội. Giảng viên cần nêu được:

Tư tưởng mở cửa đối ngoại, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới của Đảng đã được thể hiện rõ nét trong các văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà. Song, trong hoàn cảnh của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, Việt Nam đã không thể thực hiện một cách đầy đủ công cuộc hội nhập quốc tế. Sau khi thống nhất đất nước, qua các kỳ Đại hội IV của Đảng (1976), Đại hội VI của Đảng (1986), Đại hội VII cũ. Đảng (1991) Đại hội VIII của Đảng (1996), Đại hội IX của Đảng (2001), Đại hội X của Đảng (2006), Đại hội XI của Đảng (2011), Đại hội XII của Đảng (2016) đã định dấu những bước phát triển mới trong chủ trương hội nhập quốc tế với chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, thể hiện tầm nhìn chiến lược toàn diện của Đảng.

2. Đánh giá chung

2.1. Những thành tựu đạt được

Trong thời gian qua các hoạt động hội nhập quốc tế đã giải hái được những thành tựu nhất định, thể hiện ở những điểm sau:

Thứ nhất, chủ trương phát triển các hoạt động hội nhập quốc tế đã được lãnh đạo Đảng và Nhà nước quán triệt từ rất sớm và những quan điểm đó đã được thể hiện xuyên suốt qua nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc, qua các nghị quyết, nghị định của Chính phủ cũng như qua công tác điều hành thực tế của lãnh đạo các cấp ủy đảng và chính quyền từ Trung ương xuống địa phương.

Thứ hai, kết quả của quá trình thực hiện chính sách chủ động hội nhập đã giúp Việt Nam ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, điều đó thể hiện qua việc Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế làm khu vực cũng như tầm thế giới như: ASEAN, APEC, ASEM, WTO, v.v...

Thứ ba, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam đã phát triển mạnh giúp gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu Việt Nam, mở rộng các loại hàng hóa tham gia xuất nhập khẩu. Thương mại quốc tế đã đóng góp phần lớn cho tăng trưởng GDP của Việt Nam và góp phần lớn vào tạo việc làm cho lao động.

Thứ tư, Việt Nam cũng đạt được những thành công nhất định trong thu hút đầu tư nước ngoài, tạo thêm nhiều việc làm cho nền kinh tế. Tăng thu nhập cho các tầng lớp dân cư, góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và nhìn chung góp phần giúp kinh tế của Việt Nam tăng trưởng trong thời gian qua.

2.2. Những mặt hạn chế

Tuy đã được những thành tựu kể trên nhưng Việt Nam vẫn còn những hạn chế nhất định, thể hiện qua những điểm dưới đây:

Một là, những hạn chế do điều kiện kinh tế - xã hội tác động làm cho các hoạt động hội nhập của Việt Nam không ổn định, đôi lúc, đôi nơi có dấu hiệu chùng lại, chẳng hạn như trong vài năm gần đây thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài giảm sút so với trước đây, những hạn chế đó làm tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam những năm gần đây tương đối thấp hơn trước. Các cán đối ví mô còn chưa vững chắc, ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng kinh tế, chẳng hạn như tỷ lệ đầu tư và tiết kiệm chưa hợp lý, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn diễn ra chậm chạp, tăng trưởng kinh tế còn dựa chủ yếu vào chiều rộng, chưa đi vào chiều sâu, v.v...

Hai là, môi trường kinh doanh và đầu tư còn nhiều bất cập, chưa thông thoáng, chưa hấp dẫn các nhà kinh doanh, đầu tư lớn trong và ngoài nước, nhất là các tập đoàn kinh doanh quốc tế. Môi trường kinh doanh và đầu tư chưa tối thể hiện ở những điểm sau: (i) hạ tầng cơ sở kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế và dân sinh, nhất là phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hệ thống giao thông, vận tải, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp nước, xử lý chất thải các loại, kho hàng, v.v. thường xuyên bị hỏng hoặc quá tải; (ii) cơ sở hạ tầng xã hội còn nhiều bất cập, các cơ sở giáo dục thiếu thốn, chương trình giáo dục và đào tạo lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, hệ thống khám chữa bệnh quá tải, chất lượng khám chữa bệnh chưa ngang tầm khu vực, v.v.; (iii) cơ chế quản lý hành chính còn nặng thủ tục, rườm rà, các văn bản chồng chéo, không nhất quán gây khó khăn cho các nhà kinh doanh, đầu tư trong nước và nước ngoài; (iv) giá thuê đất còn quá cao do quá trình đô thị hoá làm cho giá đất tăng lên, đồng thời do cơ chế quản lý đất đai bất cập nên dẫn đến đầu cơ đất đai góp phần đẩy giá đất lên cao, gây khó khăn cho thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

Ba là, chủ trương, chính sách hội nhập tuy có nhiều, nhưng chưa phù hợp với các yêu cầu của hội nhập. Điều đó cũng do trình độ cán bộ quản lý các cấp còn hạn chế, chưa tương xứng với yêu cầu hội nhập, nhất là trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sự am hiểu thị trường thế giới, am hiểu các luật và thông lệ quốc tế, kinh nghiệm hoạt động trên thị trường quốc tế còn yếu, trình độ đàm phán còn thấp và nhất là trình độ ngoại ngữ chưa bảo đảm làm việc với các đối tác nước ngoài một cách chủ động. Thậm chí những hiện tượng suy thoái đạo đức của cán bộ quản lý như nhận hối lộ, tham nhũng trong cấp phép dự án, đấu thầu dự án, v.v... đã góp phần làm méo mó, sai lệch các chính sách hội nhập của Đảng và Nhà nước.

Bốn là, hoạt động thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, gia công xuất khẩu của Việt Nam phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, còn thụt lùi cán cân thương mại lớn. Tất nhiên trong quá trình công nghiệp hoá nhập siêu là không tránh khỏi, nhưng nếu nhập siêu lâu dài sẽ dễ dẫn đến mất cán cân thanh toán, ảnh hưởng đến các cân đối vĩ mô của Việt Nam.

Năm là, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập. Trong thời gian qua, các dự án đầu tư nước ngoài có quy mô vừa và nhỏ, trong đó quy mô nhỏ chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu đầu tư vào các ngành công nghiệp thâm dụng lao động như dệt may, da giày, cơ khí lắp ráp. Đầu tư nước ngoài vào các ngành thâm dụng vốn và công nghệ chưa nhiều như các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo máy, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, phần mềm, vật liệu mới, công nghệ sinh học, di truyền; đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn rất thấp và có xu

hướng ngày càng giảm. Vẫn còn tình trạng đầu tư nước ngoài tập trung lớn ở những vùng, miền có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội dẫn đến mất cân xứng vùng miền. Khu vực FDI chưa giải quyết nhiều việc làm cho lao động trong nước, nhất là lao động có trình độ, đã qua đào tạo và việc gây ô nhiễm môi trường, cũng như trốn thuế qua việc chuyển giá, v.v. là những mặt tiêu cực của đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Ngoài ra, việc phát triển đầu tư gián tiếp nước ngoài ở Việt Nam còn chưa tương xứng với tiềm năng. Thị trường tài chính - tiền tệ của Việt Nam còn chưa mở rộng cửa cho các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các tập đoàn tài chính lớn. Tỷ lệ đầu tư gián tiếp từ nhân nước ngoài ở Việt Nam còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ, chỉ khoảng 1% trong tổng đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, việc sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cũng còn nhiều bất cập do khó khăn trong chính sách đền bù, giải toả, giải phóng mặt bằng, còn hiện tượng tham nhũng, bớt xén, rút ruột công trình, vừa gây mất lòng tin đến đối tác cho vay, vừa mất lòng tin của quần chúng, nhân dân.

3. Đề xuất giải pháp chủ động hội nhập quốc tế

Để chủ động hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả, trong thời gian tới cần chú ý thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, Chính phủ cần tích cực và chủ động tham gia đàm phán ký kết các hiệp định thương mại, đầu tư song phương và đa phương trong khuôn khổ của WTO, APEC, ASEAN, ASEM, v.v... nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho thương mại và đầu tư của Việt Nam phát triển.

Thứ hai, huy động mọi nguồn lực để thực hiện thành công ba đột phá chiến lược: cải cách thể chế; phát triển cơ sở hạ tầng; phát triển nguồn nhân lực. Để thực hiện thành công ba đột phá chiến lược, cần chú ý những việc làm sau:

- Về đẩy mạnh cải cách thể chế: Cần đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam cho phù hợp luật chơi quốc tế và thể chế kinh tế thị trường, bao gồm các bộ luật chủ yếu như: Luật chính quyền địa phương; Luật đầu tư công; Luật quản lý vốn Nhà nước; Luật chống độc quyền; Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi); Luật ngân sách (sửa đổi); Luật kinh doanh bất động sản (sửa đổi); Luật doanh nghiệp (sửa đổi); Luật đầu tư (sửa đổi); Luật cạnh tranh (sửa đổi), v.v... Điểm mấu chốt trong công tác xây dựng luật là cần xây dựng các bộ luật để khi ban hành chúng có hiệu lực và đi vào đời sống kinh tế - xã hội ngay mà không phải chờ nghị định, thông tư hướng dẫn luật của Chính phủ như hiện nay. Nếu thực hiện được điều này là một bước đột phá trong cải cách thể chế, tránh tình trạng "ngớ ngẩn" vẫn bản hướng dẫn thi hành luật như hiện nay, làm cho luật khi ban hành không được thực hiện kịp thời, gây bức xúc trong nhân dân.

Điểm mấu chốt của cải cách thể chế là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự tham gia điều tiết của Nhà nước. Vì vậy, cần nhanh chóng hoàn thiện các hệ thống luật pháp để Nhà nước thực hiện can thiệp thị trường có hiệu quả mà không cản trở thị trường phát triển.

- Về huy động mọi nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng: để phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại trong hội nhập quốc tế, nhất thiết phải có kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại. Để huy động mọi nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng một cách thành công, cần thiết phải thực hiện minh bạch hóa và đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, tăng cường kiểm tra kiểm soát việc vay vốn và sử dụng vốn vay một cách có hiệu quả. Kiên quyết triệt để chống lãng phí và tham nhũng để lấy lại niềm tin vào Chính phủ của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, niềm tin của nhân dân vào tiền thuế của mình được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả, không bị thất thoát bởi tệ nạn lãng phí và tham nhũng.

- Về phát triển nguồn nhân lực: chất lượng nguồn nhân lực cao, thấp không phải chỉ được quyết định bởi hệ thống giáo dục - đào tạo mà còn phụ thuộc vào cơ chế sử dụng nguồn nhân lực. Với cơ chế sử dụng và đãi ngộ nhân tài hiện nay ở Việt Nam, nhất là ở các cơ quan Nhà nước thì không thể nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Vì vậy, cần thiết phải cải cách cơ chế sử dụng và đãi ngộ nhân tài theo hướng sử dụng và đãi ngộ người có thực tài chứ không chỉ dựa vào bằng cấp. Kiên quyết loại bỏ các loại "chạy": chạy chức; chạy biên chế; chạy tiêu chuẩn; chạy bằng cấp; chạy lương; chạy danh hiệu; chạy chức danh, v.v.... Các loại chạy này ngày càng trở nên phổ biến, có tính hệ thống thành cơ chế chạy trong đào tạo, sử dụng và phát triển nhân lực. Vì vậy, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện hội nhập quốc tế nhất thiết phải xóa bỏ cơ chế chạy này. Phải xây dựng cho bằng được cơ chế sử dụng và đãi ngộ xứng đáng người tài trên cơ sở thị tuyển khách quan dựa trên các tiêu chí bình đẳng để chọn lựa người thực tài vào các vị trí, chức danh.

Thứ ba, Chính phủ cần tiếp tục thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô và cải thiện môi trường sản xuất, kinh doanh để thu hút đầu tư trong và ngoài nước tham gia sản xuất hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu ra thị trường khu vực và thế giới. Trong đó, cần chú ý các chính sách sau:

- Phát triển các loại thị trường một cách đầy đủ từ thị trường hàng hóa và dịch vụ cho đến các thị trường yếu tố sản xuất: thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường đất đai và bất động sản, thị trường khoa học - công nghệ, v.v... và quan trọng là thực hiện giá thị trường cho tất cả các mặt hàng kể cả điện, nước, xăng dầu. Vấn đề ở đây là Nhà nước phải xây

dựng cơ chế tham gia can thiệp thị trường một cách hiệu quả khi cần khắc phục những khuyết tật của thị trường trên nguyên tắc dung hợp với thị trường chứ không cản trở thị trường. Nhà nước nên nhanh chóng ban hành Luật chống độc quyền để bảo vệ thị trường hoạt động có hiệu quả.

- Các chính sách kinh tế vĩ mô: tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo tín hiệu thị trường và điều hành theo lạm phát mục tiêu và tăng trưởng kinh tế mục tiêu; thực hiện chính sách ổn định tỷ giá tiền đồng Việt Nam một cách linh hoạt theo tín hiệu thị trường trong nước và các biến động trên thị trường thế giới, tránh tình trạng dồn nén tỷ giá cũng như phá giá mạnh tiền đồng. Các thái cực trên đều gây thiệt hại cho nền kinh tế trong hội nhập quốc tế. Khi có điều kiện chín muồi sẽ biến VND thành đồng tiền chuyển đổi trong khu vực và trên thế giới.

- Các chính sách đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu trong hội nhập: Chính phủ cần thực hiện các chính sách trong khuôn khổ các hiệp định thương mại cho phép để hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia chuỗi hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu nhằm chủ động tổ chức sản xuất những hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu chủ lực, phát triển thị trường xuất khẩu chủ yếu. Đồng thời, nhanh chóng hoàn thiện Luật chống bán phá giá, chống trợ cấp trong khuôn khổ cho phép của WTO để bảo vệ thị trường trong nước trước sự thâm nhập của các hàng hóa ngoại nhập khi thực hiện các hiệp định thương mại quốc tế.

- Chính sách đẩy mạnh thu hút đầu tư quốc tế: trước sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của các nước trong khu vực về thu hút đầu tư nước ngoài như Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Myanmar, Lào, Campuchia, v.v... Chính phủ cần cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư để thu hút mạnh hơn đầu tư nước ngoài (trực tiếp và gián tiếp) vào Việt Nam. Trước mắt, đối với đầu tư trực tiếp cần thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào các ngành công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ điện tử, công nghệ thông tin - truyền thông, công nghiệp phụ trợ, công nghệ môi trường. Để thu hút đầu tư gián tiếp vào phát triển thị trường chứng khoán Chính phủ nên nhanh chóng nới room cho các nhà đầu tư ngoại, kể cả trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm./

Tài liệu tham khảo

Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện ĐH Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (ĐH VI, VII, VIII, IX, X), NXB CTQG, Hà Nội, 2008.

Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện ĐH Đảng toàn quốc lần XI, NXB CTQG, 2011.

Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, Giáo trình Kinh tế học chính trị Mác - Lê-nin, NXB CTQG, Hà Nội.